TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **126**/2018/HC-PT
Ngày: 17/8/2017
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 88/2017/TLPT-HC ngày 23 tháng 11 năm 2018, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88C/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện*:**

- Ông Huỳnh H, sinh năm 1928;

- Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1933;

Cùng địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Đều vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh H:

- Bà **Huỳnh Thị H**; địa chỉ: thôn Hiệp An, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Giấy ủy quyền lập và chứng thực ngày 15/8/2018. *Có mặt.*

- Bà **Võ Thị Thủy T –** Phó giám đốc công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ đại diện tư vấn H; địa chỉ: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Giấy ủy quyền lập và chứng thực ngày 15/8/2018). *Có mặt.*

- Ông **Nguyễn Chí H1**, sinh năm 1958; địa chỉ: huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B: Bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm 1965, địa chỉ 1: TPHCM. Địa chỉ 2: thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy

quyền ngày 22/5/2017). *Có mặt.*

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. *Vắng mặt.*

Trụ sở: số 52 đường Hùng Vương, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi**.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông **Phí Quang H** - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi. *Có mặt.*

Trụ sở: số 163 đường Hùng Vương, TP. Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Vắng mặt.*

Trụ sở: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn T** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ theo Văn bản ủy quyền ngày 2767/QĐ-UBND ngày 07/7/2017. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Đ;

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ theo Văn bản ủy quyền ngày 1692/QĐ-UBND ngày 23/5/2017. *Có mặt.*

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Tiến Đ – Chủ tịch UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Có mặt.*

- Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1970;
- Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1972;
- Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1976;
- Bà **Huỳnh Thị Xuân U**, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. *Đều vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà K, N, B, U: Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ 1: TPHCM. Địa chỉ 2: thành phố Hồ Chí Minh theo các Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2017 và ngày 23/9/2017. *Có mặt.*

***Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2017, và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B trình bày:

Ngày 10/10/1975, ông Huỳnh H đưa gia đình từ Nha Trang về quê xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống nhưng con đông, không có đất để sản xuất và làm nhà ở nên nhờ anh vợ tên Huỳnh T (quê ở xã P) đứng tên mua 03 thửa đất liền kề 489, 490, 491 Trích lục Đại nam Trung kỳ Chánh Phủ của ông Tống L tổng

diện tích 3.140m^2 theo *"Giấy đoạn mãi ruộng"* để lập vườn và làm nhà. Đây là đất của ông Tống L đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Tống L mua đoạn mãi 03 trích lục Đại nam Trung kỳ Chánh phủ từ ông Nguyễn D, ông Tống L chuyển giao 03 trích lục này lại cho ông Huỳnh T. Sau khi mua, ông H sáp nhập 03 thửa đất 489, 490, 491 vào một mảnh vườn, sử dụng ổn định, không ai tranh chấp và có kê khai đăng ký trong sổ mục kê của UBND xã P, huyện Đ. Trong quá trình sử dụng, để cải tạo lại cho phù hợp với nhu cầu sử dụng đất nên phần đất phía Tây ông lấy đất đổ làm nền nhà, cải tạo thành ao nuôi cá, vịt, phía Đông làm nhà ở.

Ngày 19/9/2000, ông Huỳnh H đăng ký kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một thửa có giới cận: Phía Đông giáp đường, Tây giáp đất nghĩa địa và đất hoang, Nam giáp đất bà Trần Thị H (N), Bắc giáp Quốc lộ 24. Năm 2003 ông nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện đất cấp thiếu, chủ yếu được cấp về phía Đông *(xác định là thửa 25, tờ bản đồ số 23),* nên ngày 20/6/2006 ông có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất phía Tây *(được xác định là thửa số 23, tờ bản đồ số 23).* Ngày 08/11/2006 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho hộ ông Huỳnh H diện tích 1.257m^2, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác (BHK).

Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 đoạn T - P (Km 0- Km 8) trúng một phần thửa đất số 23 và thửa số 25 của ông Huỳnh H (thửa 25 ông H không khiếu nại) nên được kiểm kê, lập thủ tục bồi thường, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất bị thu hồi 1.079m^2, số tiền bồi thường, hỗ trợ 239.538.000 đồng, khi chi trả tiền bồi thường ông H không nhận vì bồi thường loại đất BHK là không đúng mà phải bồi thường loại đất ở nông thôn (ONT) nên UBND xã P và UBND huyện Đ tiến hành rà soát nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 23 cho rằng ông H sử dụng đất không hợp pháp, thực tế hiện trạng là đất hoang chưa phân phối sử dụng, nên ngày 16/5/2014 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23 xã P.

Ngày 11/9/2015 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5226/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 và Quyết định số 5225/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H thửa đất số 23 từ 239.538.000 đồng xuống còn 0 *(không)* đồng. Ông Huỳnh H có đơn khiếu nại Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 và được Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 bác nội dung khiếu nại của ông Huỳnh H, ông khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi,

ngày 05/12/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2500/QĐ-UBND có nội dung bác khiếu nại của ông Huỳnh H.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H và huỷ Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ về giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh H bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ và hủy Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND huyện Đ vì các quyết định này ban hành không đúng quy định của pháp luật, UBND huyện không thông báo việc thu hồi đất trong thời hạn 30 ngày mà ra quyết định thu hồi là trái với Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013.

Người bị kiện trình bày:

1. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Năm 2009, thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 đoạn T - P (Km0-Km8). UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 1319/QĐ- UBND ngày 20/8/2009 phê duyệt kế hoạch giải phóng mặt bằng và Quyết định số 7212/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng. Hộ ông Huỳnh H được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 23, diện tích 1.257m^2, loại đất trồng cây hàng năm khác (BHK) nên kiểm kê, lập thủ tục bồi thường, UBND huyện ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ với diện tích đất bị thu hồi là 1.079m^2, khi chi trả tiền bồi thường hộ ông H không nhận cho rằng UBND huyện xác định loại đất (BHK) là không đúng mà phải bồi thường loại đất ở nông thôn (ONT) vì đất có nguồn gốc ông H nhận chuyển nhượng theo *"Giấy đoạn mãi ruộng"* ghi ngày 10/10/1975, ông sử dụng liên tục ổn định, không ai tranh chấp đến thời điểm nhà nước thu hồi.

Qua kết quả thẩm tra, xác minh nguồn gốc thửa đất số 23 và đối chiếu với 03 trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ do ông H cung cấp có số hiệu 489, 490, 491 thì trước năm 1975 của ông Nguyễn D và có một phần diện tích đất thuộc Ấp Hiệp An (hình thức sử dụng theo dạng đất công điền hoặc đất do cộng đồng dân cư quản lý, sử dụng). Từ sau năm 1975 đất bỏ hoang, ông H không sử dụng thể hiện qua hồ sơ địa chính bản đồ 299/TTg, trên cơ sở xác minh, lấy ý kiến của các bậc cao niên sinh sống tại thôn H và những người nguyên là lãnh đạo của UBND xã, Hợp tác xã Nông nghiệp qua các thời kỳ từ năm 1975 đến năm 2015. Đối với chứng cứ ông Huỳnh H đưa ra *"Giấy đoạn mãi ruộng"* đề ngày 10/10/1975 giữa

"*người bán*" là ông Tống L và con trai là Tống T với "*người mua*" là ông Huỳnh (Quang) T và kèm theo 03 bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ mang số hiệu 489, 490, 491 để cho rằng, thửa đất số 23 có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ ngươi khác vào năm 1975, từ đó ông yêu cầu Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở là không có cở sở để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Bởi vì: "*Giấy đoạn mãi ruộng*" đề ngày 10/10/1975 chỉ là giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, mặt khác trong *"Giấy đoạn mãi ruộng*" thể hiện thông tin người bán là ông Tống L và con trai Tống T không phải là người sử dụng đất đứng tên trong 03 bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ mang số hiệu 489, 490, 491; đồng thời người mua tên là ông Huỳnh T chứ không phải người mua tên ông Huỳnh H và cũng không có chữ ký của bên bán và bên mua.

Do vậy, *"giấy đoạn mãi ruộng"* mà ông H đưa ra để chứng minh không nằm trong trường hợp người đang sử dụng đất có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật đất đai năm 2013) và Điều 3 Nghị định số 84/2007, 25/5/2007 (nay được quy định tại Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ).

Ông H cho rằng thửa đất số 23 được gia đình ông thực hiện kê khai đăng ký có tên trong sổ mục kê đất đai, sổ địa chính và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính qua các thời kỳ, ông H chỉ có tên trong hồ sơ địa chính theo bản đồ địa chính đo vẽ theo Dự án đa dạng hoá nông nghiệp từ năm 2006. UBND huyện Đ nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Huỳnh H không đúng với quy định của pháp luật, nên ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng với quy định tại Điều 25 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 (nay quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013), đến nay vợ chồng ông H không khiếu nại đối với Quyết định này.

Ngày 11/9/2015, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5225/QĐ- UBND và 5226/QĐ-UBND điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B tại thửa đất số 23 từ 239.538.000 đồng xuống còn 0 *(không)* đồng và thu hồi Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND huyện Đ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh H.

Không đồng ý với Quyết định số 5225/QĐ-UBND và Quyết định số 5226/QĐ-UBND của UBND huyện Đ, ông Huỳnh H phát sinh đơn khiếu nại đề ngày 01/10/2015 gửi đến Chủ tịch UBND huyện Đ, được giải quyết tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 bác đơn khiếu nại của ông Huỳnh H. Ông H

khiếu nại lần hai, được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 bác đơn khiếu nại của ông. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không có căn cứ xem xét giải quyết, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bác đơn khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B.

2. Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:

Ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 23, diện tích 1.257m^2, loại đất BHK, tờ bản đồ số 23 xã P, Giấy chứng nhận số phát hành AL245532, vào sổ cấp giấy số H.03509 ngày 08/11/2006. Qua kiểm tra xác minh thấy Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Huỳnh H không đúng với quy định của pháp luật vì: Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23, xã P (đo vẽ năm 2006) ông Huỳnh H cho rằng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ người khác vào năm 1975 nhưng kết quả xác minh cho thấy ông Huỳnh H trình bày không thống nhất là nhận chuyển nhượng trực tiếp từ ông Nguyễn D, hay nhờ ông Huỳnh Quang T (Huỳnh T) nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn D, hay nhận chuyển nhượng từ ông Tống L. Chứng cứ về việc chuyển nhượng mà ông Huỳnh H đưa ra là *"Giấy đoạn mãi ruộng"* đề ngày 10/10/1975 nhưng chỉ là giấy viết tay, không có xác nhận của bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào và cũng không có thông tin nào thể hiện sự liên quan giữa *"Giấy đoạn mãi ruộng"* với 03 bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ mà ông cung cấp kèm theo.

Trong 03 bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ ông Huỳnh H đưa ra có 02 bản mang tên "Nguyễn D", 01 bản mang tên "Ấp Hiệp A" nên việc ông H cho rằng cả 03 thửa đất có nguồn gốc trước năm 1975 của ông Nguyễn D là không đúng.

Ông Nguyễn D chết năm 1972 nên không thể chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 1975.

Trên góc trái của 03 bản Trích lục Đại Nam Trung kỳ Chánh phủ đều chỉ có ghi thêm bằng bút mực chữ "Tống L" hoặc "Tống L - B" nên cũng không có cơ sở cho rằng ông Tống L có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn D để sau đó chuyển nhượng lại cho ông Huỳnh H hoặc ông Huỳnh Quang T vào năm 1975.

Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 19/9/2000 của ông Huỳnh H thửa số 443, tờ bản đồ số 1, xã P (bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg), nay là thửa số 25, tờ bản đồ số 23, xã P (bản đồ năm 2006), thể hiện tứ cận: Đông giáp đường, Tây giáp đất nghĩa địa và đất hoang *(nay là thửa thửa 23, tờ bản đồ số 23),* Nam giáp đất bà Trần Thị H (Nhỏ), Bắc giáp Quốc lộ 24 và ghi nguồi gốc đất mua của Nguyễn Thị T năm 1975.

Như vậy, ông Huỳnh H đã xác nhận phía Tây thửa đất đang làm nhà ở của ông hiện nay giáp với đất nghĩa địa và đất hoang *(nay là thửa đất so 23, tờ bản đồ số 23).*

Từ những nhận xét nêu trên, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng với quy định tại Điều 25 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 (nay quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013).

Ngày 11/9/2015, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5225/QĐ- UBND và 5226/QĐ-UBND điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B tại thửa đất số 23 từ 239.538.000 đồng xuống còn 0 *(không)* đồng và thu hồi Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND huyện Đ về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B. Không đồng ý với Quyết định số 5225/QĐ-UBND và Quyết định số 5226/QĐ-UBND của UBND huyện Đ, ông Huỳnh H phát sinh đơn khiếu nại đề ngày 01/10/2015, được Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết tại Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Huỳnh H là đúng quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Huỳnh H thửa số 23, diện tích 1.257m^2, loại đất BHK, tờ bản đồ số 23 xã P, số phát hành AL245532, vào sổ cấp giấy số H.03509 ngày 08/11/2006/5225/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Huỳnh H thửa đất số 23 từ 239.538.000 đồng xuống còn 0 (không) đồng là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật vì: Qua kết quả thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Huỳnh H không đúng quy định của pháp luật, thực tế thửa đất số 23 trên là đất hoang, không ai sử dụng từ trước năm 1975. Đối chiếu các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì hộ ông Huỳnh H không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định tại các Điều 3 và Điều 4 bảng quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (nay là Điều 3 bảng quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

2. Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

Quyết định số 5224/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất của UBND xã P để xây dựng dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 đoạn T-P, diện tích thu hồi 1.079m^2 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23 xã P theo Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 20/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt kế hoạch giải phóng mặt bằng của dự án. Căn cứ nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và hồ sơ địa chính đối chiếu thửa đất số 23 đo vẽ năm 2006 diện tích 1.257m^2 với bản đồ 299/TTg lập năm 1983 thuộc bộ địa chính xã P tương ứng với thửa số 505 diện tích 448m^2 và thửa đất số 506 diện tích 752m^2 tờ bản đồ số 1 đều thể hiện đất hoang "hg". UBND xã P quản lý thửa đất số 23 là đất bỏ hoang từ năm 1975 đến nay, không ai sử dụng. Do đó, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5224/QĐ- UBND ngày 11/9/2015 về việc thu hồi đất của UBND xã P là đúng quy định của pháp luật.

3. Các ông (bà) Huỳnh Văn B, Huỳnh Thị Xuân Út, Huỳnh Văn K, Huỳnh Văn N đều ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Thịnh trình bày:

Thống nhất với ý kiến của người khởi kiện.

Ý kiến của ông Phí Quang H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi:

Hộ ông Huỳnh H không đăng ký, kê khai thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23 xã P theo quy định của pháp luật đất đai, hồ sơ địa chính thể hiện thửa đất số 23 là đất hoang "hg" chưa phân phối sử dụng. Trong quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số số 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Huỳnh H là đúng quy định của pháp luật đất đai và Luật khiếu nại. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B, yêu cầu hủy các Quyết định số 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H; Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Chủ

tịch UBND huyện Đ về việc thu hồi Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Chủ tịch UBND huyện Đ; Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND huyện Đ về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho hộ ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 09/10/2017, người khởi kiện là ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện, hủy các Quyết định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau. Yêu cầu hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

[1]. Về nguồn gốc: Nguồn gốc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23, xã P (đo vẽ năm 2006), ông Huỳnh H khai vào ngày 10/10/1975 có nhờ người anh vợ là ông Huỳnh T, quê ở xã P mua hộ và lập "Giấy đoạn mãi ruộng" gồm 03 (ba) thửa đất liền kề, số hiệu 489, 490, 491 của ông Tống L, có tổng diện tích 3140m^2, có "Trích lục Đại Nam Trung Kỳ Chính phủ" kèm theo; ông H quản lý, sử dụng ổn định, kê khai trong sổ Mục kê của UBND xã P, huyện Đ, không có ai tranh chấp và ông sử dụng liên tục từ năm 1975 đến nay.

[2]. Xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Việc ông Huỳnh H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ 1975 đến năm 2006, không có ai tranh chấp; Nên ông được UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận QSDĐ là được đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (Nay là Điều 100 Luật đai đai năm 2013).

Xét lịch sử quá trình sử dụng đất này, ông H sử dụng liên tục từ năm 1975 cho đến nay, các bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng không có ai tranh chấp; Đất được sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 (Ngày Luật đất đai có hiệu lực thi hành) và sử dụng cho đến nay là đất sử dụng hợp pháp.

Án sơ thẩm khi đánh giá đã không xem xét đến lịch sử, thực tế quá trình sử dụng đất của ông Huỳnh H là không đánh giá một cách khách quan, toàn diện, đúng pháp luật của vụ án.

[3]. Xét về quyết định thu hồi đất:

Ngày 16/5/2014, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 2387/QĐ-UBND để thu hồi GCNQSDĐ số: AL345532 cấp cho ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 23 xã P.

Ngày 11/9/2015, UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số: 5225/QĐ-UBND và Quyết định 5226/QĐ-UBND điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ từ 239.538.000 đồng xuống 0 (không) đồng; và thu hồi Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 về việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng cho ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B, như án sơ thẩm nhận định là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Bởi lẽ: Đất của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B đã được cấp GCNQSDĐ, sử dụng hợp pháp, liên tục từ năm 1975 cho đến nay. Việc các bên thực hiện quyền chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng từ năm 1975 cho đến nay không ai tranh chấp, khiếu kiện. Thực tế sử dụng, thửa đất có giếng nước, cây trồng của ông H bà Bảy; Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 257) có cả đại diện là UBND huyện Đ tham gia, xem xét và ký vào biên bản.

Do vậy, việc UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định 2387/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của ông Huỳnh Hiêt, bà Huỳnh Thị B là không đúng pháp luật, đồng thời sau đó ban hành Quyết định 5225/QĐ-UBND và Quyết định 5226/QĐ-UBND để điều chỉnh giá trị bồi thương từ 239.538.000 đồng còn 0 (không) đồng; và thu hồi Quyết định 16/QĐ-UBND ngày 10/07/2011 là trái pháp luật gây tH hại đến quyền lợi hợp pháp của ông, bà.

Dẫn đến Quyết định giải quyết khiếu nại số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2500/QĐ-UBND ngày 05/2/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không thỏa đáng, không đúng pháp luật đối với ông Huỳnh H và bà Huỳnh Thị B.

[4]. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B, sửa án sơ thẩm để hủy các Quyết định số 2500/QĐ-UBND; 189/QĐ-UBND; 5226/QĐ-UBND và 2387/QĐ-UBND để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông, bà.

Đối với Quyết định 5225/QĐ-UBND, tuy Người khởi kiện không kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định này nhưng do hủy Quyết định 5226/QĐ-UBND là quyết định có liên quan đến Quyết định 5225/QĐ-UBND nên HĐXX cấp phúc thẩm hủy để đảm bảo giải quyết lại cho đúng pháp luật.

Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà là hợp pháp, nếu đất bị thu hồi phải bồi thường cho ông, bà về giá trị đất và các tài sản trên đất (nếu có) cho đúng với các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ giải phòng mặt bằng.

[5]. Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B là không có căn cứ, không đúng pháp luật

Do vậy, xét kháng cáo của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B có đủ căn cứ chấp nhận. Nên HĐXX cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định nêu trên.

[6]. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu này có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7]. Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người khởi kiện. Vì yêu cầu khởi kiện và những chứng cứ của người khởi kiện không có căn cứ. Đề nghị này không có có căn cứ, không phù hợp với nhận định của HĐXX, nên không chấp nhận.

[8]. Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX bác kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị này không đúng pháp luật, không phù hợp với nhận định của HĐXX. Nên không có căn cứ chấp thuận.

[9]. Về án phí:

*Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm (được hoàn trả lại).

- UBND tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

- UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[10]. Các quyết định khác cuả bán án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B và sửa bản án hành chính sơ thẩm số 38/2017/HCST ngày 25/9/2017 của tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 358 của Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B, về yêu cầu hủy các Quyết định:

- Hủy Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H;

- Hủy Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 của chỉ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H.

- Hủy Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt phương án điều chỉnh bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh H thửa đất số 23 từ 239.538.000 đồng xuống 0 (không) đồng.

- Hủy Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Huỳnh H, Huỳnh Thị B.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- UBND tỉnh Quảng Ngãi phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi phía nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm hoàn trả lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B, theo Biên lại thu tiền số: 0002870 ngày 21/02/2017 của cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm

- Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

- UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 17/8/2018.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tối cao*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND,VKSND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự;*
- *Cổng thông tin điện tử;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2018/QĐ-TA	*Đà Nẵng, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ Điều 197 của Luật tố tụng hành chính;

Xét thấy Bản án phúc thẩm số 126/2018/HC-PT ngày 17 tháng 8 năm 2018 về vụ án hành chính ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính" của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có những sai sót, nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Tại trang 01 (một) của bản án nêu trên đã ghi:

- Dòng thứ 4 (bốn) từ trên xuống: "Ngày 17/8/2017"
- Dòng thứ 12 (mười hai) từ trên xuống: "Ông Lê Thúy Cầu"
- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "Bà Đặng Thọ Định"
- Dòng thứ 18 (mười tám) từ trên xuống: "...ngày 23 tháng 11 năm 2018"

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Dòng thứ 4 (bốn) từ trên xuống: "Ngày 17/8/**2018**"
- Dòng thứ 12 (mười hai) từ trên xuống: "**Bà** Lê Thúy Cầu"
- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "**Ông** Đặng Thọ Định"
- Dòng thứ 18 (mười tám) từ trên xuống: "...ngày 23 tháng 11 năm **2017**"

2. Tại dòng thứ 14 (mười bốn) trang thứ 04 (bốn) từ trên xuống của bản án nêu trên đã ghi: "... Đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp..."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "... Đề bảo vệ quyền và lợi ích **hợp pháp**..."

3. Tại dòng thứ 15 (mười năm) trang thứ 05 (năm) từ trên xuống của bản án nêu trên đã ghi: "... nhận chuyển nhượng từ ngươi khác...."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: ".... nhận chuyển nhượng từ **người** khác..."

4. Tại trang thứ 07 (bảy) của bản án nêu trên đã ghi:

- Dòng thứ 11 (mười một) từ trên xuống: "... nay là thửa thửa 23, tờ bản đồ số 23..."
- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "... nay là thửa đất so 23, tờ bản đồ số 23..."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

- Dòng thứ 11 (mười một) từ trên xuống: "... nay là **thửa đất số** 23, tờ bản đồ số 23..."
- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "...nay là thửa đất **số** 23, tờ bản đồ số 23..."

5. Tại dòng thứ 04 (bốn) trang thứ 09 (chín) từ trên xuống của bản án nêu trên đã ghi: "... Tại bản án hành chính sơ thẩm số 37/2017/HC-ST ngày 25/9/3017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định..."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "... Tại bản án hành chính sơ thẩm số **38**/2017/HC-ST ngày 25/9/3017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định..."

6. Tại trang thứ 11 (mười một) của bản án nêu trên đã ghi:

- Dòng thứ 04 (bốn) từ trên xuống: "... Chủ tịch UBND huyện Dức Phổ..."
- Dòng thứ 05 (năm) từ trên xuống: "...số 2500/QĐ-UBND ngày 05/2/2016..."
- Dòng thứ 06 (sáu) từ dưới lên: "... Đề nghị này không có có căn cứ..."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

- Dòng thứ 04 (bốn) từ trên xuống: "... Chủ tịch UBND huyện **Đ**..."
- Dòng thứ 05 (năm) từ trên xuống: "...số 2500/QĐ-UBND ngày **05/12/2016**..."
- Dòng thứ 06 (sáu) từ dưới lên: "... Đề nghị này **không có** căn cứ..."

7. Tại trang thứ 12 (mười hai) của bản án nêu trên đã ghi:

- Dòng thứ 16 (mười sáu) từ dưới lên: ".... bản án hành chính sơ thẩm số 38/2017/HCST ngày 25/9/2017..."
- Dòng thứ 05 (năm) từ dưới lên: "...Hủy Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày 05/12/2014..."
- Dòng thứ 03 (ba) từ dưới lên: "... Hủy Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 của chỉ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H..."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

- Dòng thứ 16 (mười sáu) từ dưới lên: ".... bản án hành chính sơ thẩm số **38/2017/HC - ST** ngày 25/9/2017..."
- Dòng thứ 05 (năm) từ dưới lên: "...Hủy Quyết định 2500/QĐ-UBND ngày **05/12/2016**..."
- Dòng thứ 03 (ba) từ dưới lên: "... Hủy Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày **02/02/2016** của **chủ tịch** UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Huỳnh H..."

8. Tại trang thứ 13 (mười ba) của bản án nêu trên có ghi:

- Dòng thứ 13 (mười ba) từ trên xuống: "...UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi phỉa nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm..."
- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "...Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính ở thẩm..."

Nay sửa chữa bổ sung như sau:

- Dòng thứ 13 (mười ba) từ trên xuống: "...UBND huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi **phải** nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm..."

- Dòng thứ 15 (mười năm) từ trên xuống: "...Ông Huỳnh H, bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí hành chính **sơ thẩm**..."

Nơi gửi:
- *TANDTC;*
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, LT, PHCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long